TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 26 - 12 - 2017
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A; cư trú tại cụm dân cư X, thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạc Ph; cư trú tại cụm dân cư X, thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà (có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạc Ph chung sống với nhau do tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, bà và ông Nguyễn Mạc Ph chung sống cùng nhau tại cụm dân cư X, thôn D, xã L, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về

quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà Phạm Thị A đề nghị Toà án không công nhận bà và ông Nguyễn Mạc Ph là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Mạc Ph có hai con chung Nguyễn Thị Hương – sinh năm 1992 và Nguyễn Mạc Tr– sinh năm 1996; hiện tại các con chung đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà và ông Nguyễn Mạc Ph tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Mạc Ph trình bày:

Ông và bà Phạm Thị A chung sống với nhau do tự nguyện, được gia đình hai bên nội, ngoại tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, ông và bà Phạm Thị A chung sống cùng nhau tại cụm dân cư X, thôn D, xã L, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Nay bà Phạm Thị A có đơn khởi kiện, ông Nguyễn Mạc Ph có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A, đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Phạm Thị A là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị A có các con chung như bà Phạm Thị A đã trình bày là đúng. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông và bà Phạm Thị A tự phân chia, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Mạc Ph có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Mạc Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph chung sống với nhau trên cơ sở tự

nguyện từ năm 1992. Tại thời điểm chung sống bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì không xác định bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph là vợ chồng.

Vì vậy, việc bà Phạm Thị A yêu cầu Tòa án không công nhận bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph có hai con chung Nguyễn Thị H – sinh năm 1992 và Nguyễn Mạc Tr – sinh năm 1996. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph tự phân chia và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Phạm Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Mạc Ph là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Phạm Thị A đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0007378 ngày 02 tháng 11 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch